TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 361A/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 14 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 369/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Mai Quang D, sinh năm 1991. Địa chỉ: 16 H, phường A, thành phố H, tỉnh T.

2. Chị Lê Hồng L, sinh năm: 1991. Địa chỉ: 98 Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P (nay là phường Đ), thành phố H, tỉnh T vào ngày 16/5/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên anh D và chị L cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L có 01 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Mai Thiên Q, sinh ngày 05/12/2020. Anh D và chị L thỏa

thuận giao cháu Mai Thiên Q cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận anh Mai Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Quân trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh D và chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005927 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh D và chị L đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Mai Thiên Q, sinh ngày 05/12/2020 cho chị Lê Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Mai Thiên Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Mai Quang D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Mai Thiên Q trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Mai Quang D và chị Lê Hồng L, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh D và chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005927 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh D và chị L đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường Đ, thành phố H (trước đây là phường P, TP Huế; Anh D và chị L ĐKKH số 19, ngày 16/5/2017)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung